

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **33/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 27/11/2018

“V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Kim Sa Pha

Các hội thẩm nhân dân:

1./ Ông Nguyễn Văn Ngư

2./ Ông Lâm Ngọc Hà

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Mộng Kiều – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 104/2018/TLST-HNGĐ ngày 18/6/2018; Về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2018/QĐST – HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2018/QĐST – HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2018; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị Th. Địa chỉ: ấp B, xã T.H, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: ấp GC, xã PT, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn HG. Địa chỉ: ấp B, xã T.H, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con ngày 11 tháng 6 năm 2018, các chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn chị Dương Thị Th trình bày:

Chị Th với anh Nguyễn HG cưới nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã TH, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40/2012 – quyền số 01/2011 ngày 09/4/2012. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian và có với nhau một con chung tên Nguyễn HK sinh ngày 06/10/2012. Đến giữa năm 2016, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị Th trình bày là do vợ chồng bị mất 05 chỉ vàng 24K, nhưng anh HG cho rằng người thân của chị Th lấy nên báo

Công an, dẫn đến mâu thuẫn tình cảm vợ chồng và gia đình thông gia hai bên. Đến ngày 31/8/2016, chị Th nộp đơn ra Tòa án xin ly hôn với anh HG, sau khi Tòa án thụ lý, hòa giải đoàn tụ nên chị Th đã rút đơn xin ly hôn để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, cùng chăm sóc con cái. Tuy nhiên, sau khi rút đơn ly hôn về chung sống lại với nhau thì giữa chị Th với anh HG không thể hàn gắn được mâu thuẫn, không có tiếng nói chung trong gia đình, không có sự chia sẻ, cảm thông với nhau và cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên tiếp tục sống ly thân cho đến nay.

Nay chị Th cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa chị với anh HG không còn hạnh phúc, không còn tình cảm với nhau và không thể hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, trong thời gian sống ly thân hai bên không có nguyện vọng hàn gắn nên yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh HG theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Theo đơn khởi kiện và cũng như trong quá trình Tòa án hòa giải vụ án thì chị Th yêu cầu được quyền nuôi cháu Nguyễn HK sau khi ly hôn. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay chị đồng ý giao con cho anh HG nuôi dưỡng sau khi ly hôn, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản hòa giải ngày 04/9/2018, bị đơn anh Nguyễn HG trình bày ý kiến:

Anh thống nhất với ý kiến trình bày của chị Th về thời gian cưới nhau, việc đăng ký kết hôn, con chung, mâu thuẫn vợ chồng và thời gian sống ly thân. Tuy nhiên, đối với yêu cầu ly hôn của chị Th thì anh đồng ý, nhưng anh yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con cháu Nguyễn HK sau khi ly hôn, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải, tạo điều kiện cho các bên thỏa thuận với nhau về các vấn đề tranh chấp nhưng bị đơn anh Nguyễn HG đều vắng mặt, không tham gia phiên hòa giải.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn chấp hành nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án, còn bị đơn chưa chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và cũng như giấy triệu tập của Tòa án. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Dương Thị Th đối với anh Nguyễn HG.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bị đơn anh Nguyễn HG. Xét thấy, anh HG đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn

vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Nguyễn HG theo quy định.

[2] Về nội dung:

Chị Dương Thị Th với anh Nguyễn HG cưới nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện Châu Thành được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40/2012 – quyền số 01/2011 ngày 09/4/2012. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian và có với nhau một con chung tên Nguyễn HK, sinh ngày 08/10/2012. Đến giữa năm 2016, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị Th trình bày là do vợ chồng bị mất 05 chỉ vàng 24K, nhưng anh HG cho rằng người thân của chị Th lấy nên báo Công an, dẫn đến mâu thuẫn tình cảm vợ chồng và gia đình thông gia hai bên. Đến ngày 31/8/2016, chị Th nộp đơn ra Tòa án xin ly hôn với anh HG, sau khi Tòa án thụ lý, hòa giải đoàn tụ nên chị Th đã rút đơn xin ly hôn để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, cùng chăm sóc con cái. Tuy nhiên, sau khi rút đơn ly hôn về chung sống lại với nhau thì giữa chị Th với anh HG không thể hàn gắn lại được mâu thuẫn tình cảm vợ chồng nên tiếp tục sống ly thân cho đến nay. Nay chị Th cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa chị với anh HG không còn hạnh phúc, không còn tình cảm với nhau và không thể hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, trong thời gian sống ly thân hai bên không có nguyện vọng hàn gắn nên yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn HG theo quy định của pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy, chị Dương Thị Th với anh Nguyễn HG cưới nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện Châu Thành được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40/2012 – quyền số 01/2011 ngày 09/4/2012 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Th với anh HG là hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, trong cuộc sống hôn nhân của họ có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống gia đình thường xuyên xảy ra cự cãi, mâu thuẫn vợ chồng không được hàn gắn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Th trình bày là do xuất phát từ việc mất 05 chỉ vàng, anh HG nghi ngờ người thân của chị lấy và báo công an dẫn đến mâu thuẫn tình cảm vợ chồng, gia đình thông gia hai bên và do tính tình của anh HG với chị Th không hòa hợp, kể từ khi chị Th nộp đơn xin ly hôn ra Tòa án lần trước và sau đó rút đơn nhưng anh HG vẫn không thay đổi, không có sự quan tâm, chia sẻ và cảm thông đối với chị Th vì mỗi người có công việc riêng, không có sự tôn trọng nhau làm cho cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc và mâu thuẫn tình cảm vợ chồng được phía anh HG thừa nhận, cả hai không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng như thời gian trước. Xét thấy, đến thời điểm hiện nay mâu thuẫn hôn nhân giữa chị Th với anh HG đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài và tại phiên Tòa hôm nay chị Dương Thị Th cương quyết xin ly hôn với anh Nguyễn HG nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị Th đối với anh Nguyễn HG.

[4] Về con chung:

Chị Dương Thị Th với anh Nguyễn HG có 01 con chung tên Nguyễn HK, sinh ngày 06/10/2012, trong thời gian vợ chồng sống ly thân nhưng vẫn cùng nhau chăm sóc con. Trong quá trình giải quyết vụ án cả chị T và anh HG đều có yêu cầu được quyền nuôi con sau khi ly hôn, nhưng tại phiên tòa hôm nay chị Th đồng ý giao con cho anh HG được quyền nuôi dưỡng sau khi ly hôn theo yêu cầu của anh HG. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay anh HG có công việc và thu nhập ổn định, đảm bảo được việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu HK nên cần ghi nhận ý kiến tự nguyện của chị Th giao con cho anh HG trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh Nguyễn HG không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chị Dương Thị Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định là 300.000 đồng.

[7] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1,3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1/ *Về hôn nhân*: Chị Dương Thị Th được ly hôn với anh Nguyễn HG.

2/ *Về con chung*: Giao con chung tên Nguyễn HK, sinh ngày 06/10/2012 cho anh Nguyễn HG được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành sau khi ly hôn.

Chị Dương Thị Th không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh Nguyễn HG không yêu cầu cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Dành cho chị Dương Thị Th được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3/ *Về tài sản chung, nợ chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Dương Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ số

tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001257 ngày 11/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, chi Th đã nộp xong.

5/ Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự, thủ tục phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

6/ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Kim Sa Pha